

GHE BÀU TRONG VĂN HÓA MƯU SINH CỦA CƯ DÂN XỨ QUẢNG

Nguyễn Thúy Diễm
Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Tây Đô
(Email: nguyenthuydiem8@gmail.com)

Ngày nhận: 10/01/2020

Ngày phản biện: 04/02/2020

Ngày duyệt đăng: 16/4/2020

TÓM TẮT

Hoạt động giao lưu thương mại trên tuyến đường biển vùng duyên hải Trung Bộ khoảng thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX đặc biệt phát triển, đánh dấu bước tiến mạnh mẽ của kinh tế biển ở nước ta, trong đó, ghe bầu được xem là một trong những phương tiện vận chuyển hàng hải quan trọng vào loại bậc nhất lúc bấy giờ. Ghe bầu và nghề buôn bằng ghe bầu đã mang lại sự thuận lợi trong buôn bán, giúp cư dân miền Trung nói chung và xứ Quảng nói riêng có điều kiện tận dụng lợi thế địa hình ven biển để thông thương, phát triển với quy mô rộng khắp, mang lại nguồn lợi mưu sinh lớn cho người dân nơi đây. Bài viết nhằm tìm hiểu vai trò của ghe bầu trong văn hóa mưu sinh của cư dân xứ Quảng, tập trung vào văn hóa ứng xử của người dân xứ Quảng với ghe bầu, văn hóa thể hiện trong các hoạt động mưu sinh và trong các nghi lễ mưu sinh gắn với ghe bầu, qua đó giúp người đọc nhận thấy được tầm quan trọng của ghe bầu trong việc phát triển kinh tế biển xứ Quảng nói chung và cuộc sống mưu sinh của cư dân nơi đây nói riêng.

Từ khóa: *Ghe bầu, văn hóa mưu sinh, xứ Quảng*

Trích dẫn: Nguyễn Thúy Diễm, 2020. Ghe bầu trong văn hóa mưu sinh của cư dân xứ Quảng. Tạp chí Nghiên cứu khoa học và Phát triển kinh tế Trường Đại học Tây Đô. 08: 145-156.

**Ths. Nguyễn Thúy Diễm – Giảng viên Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Tây Đô*

1. GIỚI THIỆU

Xứ Quảng, theo lý giải của Ngô Đức Thịnh, “bao gồm Quảng Nam và Quảng Ngãi, tất nhiên là cả Đà Nẵng nữa” (Ngô Đức Thịnh, 2004). Trong phạm vi hẹp, xứ Quảng có thể được hiểu là Quảng Nam và Quảng Ngãi, tồn tại với tư cách là một tiểu vùng văn hóa của vùng văn hóa Trung Trung Bộ. Đi cùng với sự phát triển kinh tế biển là sự xuất hiện của một trong những phương tiện vận chuyển hàng hải quan trọng vào loại bậc nhất nước ta ngay từ giữa thế kỉ XVI – ghe bầu. Đây là một loại thuyền buồm chuyên dùng để đi lại buôn bán ven biển, phổ biến từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX, trở thành một trong những điểm nhấn độc đáo trong đời sống của cư dân miền Trung nói chung, xứ Quảng nói riêng. Đặc biệt, ghe bầu còn gắn liền với văn hóa mưu sinh của người dân xứ Quảng trong hơn ba thế kỷ.

Văn hóa mưu sinh là một thuật ngữ mới xuất hiện ở Việt Nam trong những năm gần đây, được hiểu là tập hợp những yếu tố, giải pháp và phương tiện sống để đảm bảo nhu cầu thiết yếu của một người dân. Trong khoảng 300 năm lịch sử, cuộc sống mưu sinh của người dân xứ Quảng đã gắn bó mật thiết với những chiếc ghe bầu dập dìu nơi cảng thị, việc trao đổi hàng hóa ở các cảng biển cũng diễn ra mạnh mẽ, nhờ vậy mà đời sống của cư dân nơi đây đã được phát triển nhanh chóng, đáng kể. Bài viết sử dụng phương pháp phân tích và tổng hợp lý thuyết, phương pháp phân loại và hệ thống hóa lý thuyết để nghiên cứu vai trò của ghe bầu trong văn hóa mưu sinh của người dân nơi đây.

2. Khái quát về ghe bầu và văn hóa mưu sinh

2.1. Khái quát về ghe bầu

Về tên gọi ghe bầu, nhiều từ điển như từ điển Le petit Larousse, từ điển Encyclopedia Britanica có nêu định nghĩa, nhiều tác giả như Huỳnh Tịnh Của trong *Đại Nam quốc âm tự vị*, Vương Hồng Sển trong *Tự vị tiếng Việt miền Nam*, Trần Văn An trong *Ghe bầu trong đời sống văn hoá ở Hội An - Quảng Nam* cũng có lý giải. Nhìn chung, những định nghĩa trên đề có điểm chung là, ghe bầu là loại ghe đi biển chạy bằng buồm, chủ yếu dùng để vận chuyển hàng hóa. Đây là loại ghe đặc trưng của cư dân miền Trung, ra đời từ giữa thế kỷ XVI, có nhiều nét tương đồng với loại thuyền prao (hay prau) của Malaysia.

Về sự ra đời của ghe bầu, tác giả Ngô Đức Thịnh (2004) cho rằng ghe bầu xuất hiện từ nhu cầu khai thác nguồn lợi thủy hải sản trên biển và nhiệm vụ canh giữ vùng biển đảo ngoài khơi xa. Trong *Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa Việt Nam*, ông viết: “Đây là loại thuyền mà mũi và lái đều nhọn, bụng bầu, độ ngấn nước sâu, nên thuyền có khả năng ra khơi xa. Bánh lái (kiểu lái cối, lái ống, lái âm dương...) đều có cấu tạo là sỏ lái xuyên trực tiếp vào bánh lái... Chính nhờ loại ghe bầu này mà người dân xứ Quảng có thể vươn ra khơi xa để đánh bắt cá...” (Ngô Đức Thịnh, 2004).

Ở một phương diện khác, nhà nghiên cứu Trần Văn An dựa tư liệu điền dã của mình đã xem xét nguồn gốc của ghe bầu dựa trên lộ trình trên biển của nó nhằm chứng minh nguồn gốc của ghe bầu có

khả năng liên quan đến cư dân Chămpa: “Về nguồn gốc, nhiều nhân chứng cho biết ghe bầu có bến gốc (bến xuất phát và quay về) ở các địa phương từ Cửa Lò (Nghệ An) cho đến Phan Rang, Phan Thiết của Ninh Thuận, Bình Thuận và một số địa phương ở miền Nam... Điều này gợi cho chúng ta những suy nghĩ nhất định về nguồn gốc của ghe bầu khi mà chúng có bến gốc trùng với những địa điểm có cư dân Chămpa cư trú tập trung trước đây” (Trần Văn An, 2011)

Nhìn chung, hiện nay vấn đề nguồn gốc sự ra đời của ghe bầu đang còn chưa thống nhất, các tư liệu về gốc gác của ghe bầu rất hiếm hoi. Tuy nhiên, có thể nhận thấy rằng, ghe bầu rất có thể ra đời từ sự thuận lợi về mặt địa hình, điều kiện tự nhiên, đặc biệt là ở Xứ Quảng và ít nhiều chịu sự chi phối của văn hóa Chămpa do quá trình cộng cư lâu dài.

2.2. Khái quát về văn hóa mưu sinh

Văn hóa mưu sinh là hệ thống hữu cơ những yếu tố vật chất và tinh thần từ sự thích ứng, cách ứng xử của chủ thể mưu sinh với môi trường tự nhiên, xã hội... trong các phương thức sinh hoạt nhằm bảo đảm sinh tồn, giảm nghèo hay phát triển cuộc sống. (Đỗ Hải Yến, 2018)

Văn hóa mưu sinh có những biểu hiện cơ bản sau:

Văn hóa ứng xử với các nguồn lực mưu sinh bao gồm các yếu tố: văn hóa ứng xử với các nguồn lực tự nhiên (natural capital), văn hóa ứng xử với các nguồn lực vật chất (physical capital), văn hóa ứng xử với các nguồn lực xã hội

(social capital), văn hóa trong ứng xử với nguồn lực con người (human capital):

Văn hóa thể hiện trong các hoạt động mưu sinh bao gồm nghề nghiệp, việc làm, phương thức mưu sinh, công cụ, trình độ, kỹ năng mưu sinh, kinh nghiệm mưu sinh

Văn hóa thể hiện trong các các nghi lễ gắn với mưu sinh: chỉ chung cho nghi thức hành lễ, sinh hoạt tín ngưỡng, thờ phụng trong hoạt động nghề nghiệp của một cộng đồng cư dân để gửi gắm những ước mong về sự may mắn, thuận lợi, đại cát trong nghề nghiệp (Đỗ Hải Yến, 2018)

Nhìn chung, qua khái niệm và cách phân chia các biểu hiện văn hóa mưu sinh, Đỗ Hải Yến đã phân nào làm rõ được văn hóa mưu sinh thuộc văn hóa sản xuất, văn hóa hành vi. Đây là những giới thuyết chung nhất, tùy theo mỗi đề tài mà người nghiên cứu có những cách vận dụng cho linh hoạt, phù hợp.

3. Biểu hiện văn hóa mưu sinh gắn với ghe bầu của cư dân Xứ Quảng

3.1. Văn hóa ứng xử của cư dân Xứ Quảng với ghe bầu

3.1.1. Xem ghe bầu là nguồn lực vật chất để mưu sinh

Nhìn từ góc độ văn hóa mưu sinh, ghe bầu chính là nguồn lực vật chất của cư dân Xứ Quảng. Trước đây, trong số các loại ghe thuyền của người Quảng thì ghe bầu chủ yếu là loại thuyền vận tải, thuyền buôn ven biển có kích thước lớn hơn cả. Người Quảng dùng ghe bầu làm phương tiện vận chuyển hàng hóa với số lượng lớn để trao đổi mua bán chủ yếu trên tuyến đường biển, đặc biệt là vùng duyên

hải Trung Bộ. Bắt đầu từ khi mới xuất hiện (khoảng giữa thế kỉ XVI), ghe bầu đã trở thành một trong những phương tiện vận chuyển hàng hải quan trọng vào loại bậc nhất nước ta. “*Đến thời Nguyễn, việc giao lưu buôn bán giữa các vùng miền trong nước và nước ngoài chủ yếu bằng ghe thuyền, luồng buôn bán trên đường biển Bắc-Nam phát triển mạnh, góp phần hình thành nên nhiều bến cảng, trung tâm buôn bán, phố chợ ở ven sông, cận biển. Đã hình thành hẳn một nghề gọi là nghề buôn ghe bầu*”. (Nguyễn Thanh Lợi, 2014)

Có thể nói, ghe bầu đã mang lại sự thuận lợi trong buôn bán, giúp cư dân Xứ Quảng có điều kiện tận dụng lợi thế địa hình ven biển để thông thương, phát triển kinh tế hàng hải, vươn xa đến tận nước ngoài. Không ít người đã trở nên giàu có nổi tiếng nhờ việc kinh doanh trên chiếc ghe bầu đặc trưng này. Hoạt động giao lưu thương mại trên tuyến đường biển giữa các địa phương cũng bắt đầu phát triển, đánh dấu bước tiến mạnh mẽ của kinh tế biển ở nước ta. “*Ở Quảng Nam, trong số các lái không hiếm những người là chủ nhân của vài ba chiếc ghe bầu chuyên buôn bán đường dài ven biển. Ông Trương Cả ở xã Duy Vinh, huyện Duy Xuyên là chủ 4 chiếc ghe bầu khắp phố chợ ở duyên hải nước ta. Tại hội quán người Hoa ở Quy Nhơn vẫn còn một bia đá ghi lại mối quan hệ buôn bán giữa Hội An và Quy Nhơn bằng ghe bầu*”. (Đỗ Bang, 1997)

Việc kinh doanh của dân ghe bầu càng về sau càng được mở rộng, họ đi buôn bán khắp các cảng trong cả nước, thậm chí trao đổi hàng hóa đến tận Nam Vang,

Hồng Kông, Ấn Độ, Tây Âu,... Hàng năm, tận dụng sức đẩy của những đợt gió mùa, những chuyến ghe bầu từ miền ngoài chở dầu chai, cánh kiến và dược liệu vào Nam để đổi lấy gạo, đá, sắt về miền Trung bán lại. Nhiều chiếc ghe bầu cỡ lớn xuất hiện để đáp ứng nhu cầu vận chuyển với số lượng nhiều: “*Đặc biệt những chiếc ghe bầu có chiều dài 35 thước ta (16m) trở lên được dùng để trao đổi hàng hóa với các nơi khác. Từ Lý Sơn, ghe bầu chở đi đá vôi, mù cây chai mắm (cây xác máu) và mua gạo từ nơi khác về. Một số vạn ghe chở muối ở Sa Huỳnh và Tịnh Hòa (huyện Sơn Tịnh) vào bán trong Nam, đồng thời chở đá và sắt về bán cho thương nhân người Hoa ở Tam Kỳ (Quảng Nam). Hay mang các loại lưới đan bằng nhợ lấy từ vỏ cây gai đem bán ở các cửa Sa Cần, Sa Kỳ, (Quảng Ngãi), cửa Thanh Khê, Hiệp Hòa, cửa Đại (Quảng Nam). Ở xã Lý Vĩnh, một số tộc họ sống bằng nghề chở ghe bầu, như họ Võ, họ Đặng, họ Phạm...*” (Nhiều tác giả, 2005)

Cũng trên đảo Lý Sơn, ghe bầu ngoài chức năng làm phương tiện vận chuyển hàng hóa thì còn được sử dụng vào việc đánh bắt hải sản. Ghe bầu đánh bắt hải sản thường là loại ghe nhỏ hơn, thuận tiện cho việc di chuyển nhanh chóng. “*Đây là những ghe nhỏ có chiều dài khoảng 25 thước ta (11m), rộng 5 thước ta (2,2m), được đóng ở Lý Sơn vào những năm đầu của thế kỷ trước, chủ yếu dùng để đánh bắt cá chuồn.*” (Nhiều tác giả, 2005)

Nếu đánh bắt hải sản chỉ cần những chiếc ghe bầu cỡ nhỏ để tiện di chuyển, ghe bầu đi buôn cần kích thước lớn hơn thì ghe bầu dùng cho những người buôn các

lái là loại lớn nhất, phù hợp cho những chuyến hành trình dài ngày trên biển, chờ được rất nhiều người lẫn khối lượng hàng hóa. Vì thế, nghề buôn các lái có phần phát triển hơn. Tác giả Cao Chư khi nghiên cứu *Văn hóa dân gian xã Tịnh Khê* đã tìm hiểu được rằng: “Ở Cổ Lũy, Trường Định, Mỹ Khê (xã Tịnh Khê, huyện Sơn Tịnh, Quảng Ngãi) xưa có một số người sắm ghe bầu để đi buôn đường biển, người địa phương quen gọi là buôn các lái. Buôn các lái phát triển hơn buôn núi, buôn nông sản rất nhiều, cả về số lượng người buôn lẫn khối lượng hàng hóa”. (Cao Chư, 2010)

3.1.2. Xem dân ghe bầu là bạn bè

Ngoài việc xem ghe bầu là nguồn lực vật chất quan trọng phục vụ cho cuộc sống mưu sinh, người dân Xứ Quảng còn xem đó là nhà, những người đi chung là bạn bè – bạn ghe bầu. Trong văn hóa ứng xử với các bạn ghe bầu đi chung trên một hải trình dài, những con người ấy phải đùm bọc, yêu thương, đoàn kết, hợp lực với nhau, giúp đỡ nhau cùng vượt qua mọi hiểm nguy. “*Lênh đênh dài ngày trên sóng nước lại phải thường xuyên đối mặt với sóng to, gió lớn, bão tố nên muốn vượt qua hiểm nguy, bắt trạch, các bạn ghe bầu phải có tính kết đoàn chặt chẽ. Sự hợp lực, thống nhất sẽ tạo nên sức mạnh cần thiết trong những lúc nguy cấp*” (Trần Văn An, 2011)

Vì sống chung trên chiếc ghe bầu trong thời gian tương đối dài, có khi tới 3-4 tháng trời nên những người đi ghe bầu không thể có cách sống độc lập cho riêng mình mà phải hòa vào tập thể. Tất cả phải liên kết với nhau theo sự phân công của

chủ ghe hoặc lái phụ, tài công, không được tự ý hành động, không thể không nghĩ đến những người anh em khác đi chung ghe. “*Tính đoàn kết này thể hiện ngay trong cách gọi: “bạn ghe bầu”, “đi buôn có bạn, đi bán có phường” và ghe bầu cũng vậy, phải cùng một nhóm bạn, cùng một đoàn. Nhờ văn hóa ứng xử này giữa các bạn ghe bầu mà họ đã không ít lần vượt qua sóng gió, hiểm nguy, giông tố.*

Nhìn chung, ghe bầu đã trở thành một trong những nguồn lực vật chất quan trọng, là di sản vật thể gắn liền với cư dân Xứ Quảng trong cuộc sống mưu sinh, phát triển kinh tế, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người dân địa phương. Vì thế, nó có vị trí vô cùng quan trọng với người đi buôn ghe bầu. Họ rất coi trọng việc đóng ghe bầu, đặc biệt là người chủ ghe. Các thợ đóng ghe trong quá trình thi công được các chủ ghe chăm sóc kỹ lưỡng, tiếp đãi hậu hĩ. Ngoài tiền công, họ còn được chủ ghe còn thêm “trầu ăn rượu uống” hàng ngày để đóng cho chủ chiếc ghe tốt nhất có thể và không sử dụng các hình thức yếm bùa nghề nghiệp ảnh hưởng xấu đến chiếc ghe.

3.2. Văn hóa thể hiện trong các hoạt động mưu sinh liên quan đến ghe bầu

3.2.1. Nghề đóng ghe bầu

Cùng với sự phát triển rầm rộ và nhanh chóng của ghe bầu thì các làng nghề đóng ghe bầu cũng tấp nập, đông vui hơn hẳn, chính thức trở thành một trong những nghề nghiệp mưu sinh thịnh hành nhất Xứ Quảng thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX. Lực lượng đóng ghe bầu ở Hội An trước đây

khá đông đúc, tập trung chủ yếu ở bờ Nam nhánh sông Thu Bồn chảy qua Hội An, trong đó nổi tiếng nhất là làng mộc Kim Bồng: “*Phạm vi hành nghề của thợ đóng ghe bầu Hội An khá rộng, bao gồm hầu hết các địa phương Đàng Trong và một số nơi ở Đàng Ngoài. Phương thức hành nghề chủ yếu là lập thành các kíp thợ từ 10-20 người đi đóng ghe thuê. Đôi khi có những kíp đứng ra lập thành trại ghe cố định. Ở Hội An vào những năm 1920-1930, có 3 trại đóng ghe bầu, ngoài ra còn một số trại đóng các loại ghe khác*” (Nguyễn Thanh Lợi, 2014)

Làng nghề mộc Kim Bồng không chỉ cung cấp ghe bầu cho địa phương mà còn đóng ghe thuê ở một số vùng lân cận như Thuận Hóa, Đền Ghi, Sông Cầu, Phan Thiết,... thậm chí đi tới cả miền Bắc và miền Nam: “*Kim Bồng là một Chu Tượng (nơi đóng ghe) có vai trò rất quan trọng, không những nó cung cấp ghe thuyền để phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - thương nghiệp ở phố cảng Hội An mà còn mở rộng phạm vi hành nghề ra đến toàn xứ Đàng Trong*” (Trần Văn An, 2011). Tuy nhiên, vào khoảng nửa cuối thế kỉ XIX, sự xuất hiện của tàu thủy, tàu hỏa cùng những chính sách hà khắc của thực dân Pháp khiến cho nghề đóng ghe thuyền, đặc biệt là ghe bầu bị cấm đoán, thậm chí bị tiêu hủy, nhiều người thợ lành nghề phải lâm vào cảnh khốn cùng, tha phương cầu thực: “*Năm 1947, thực dân Pháp cấm làng nghề hoạt động, tiêu hủy các phương tiện ghe bầu ở Lý Sơn. Thợ đóng ghe phải phiêu dạt vào đất liền, đến Phú Thọ (xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa), Tịnh Kỳ (huyện Sơn Tịnh), Sa Huỳnh (huyện Đức Phổ), Tam Kỳ (Quảng*

Nam) để tiếp tục hành nghề. Nghề đóng ghe bầu ở Lý Sơn dần dần bị thất truyền. Hiện nay trong nhà ông Võ Diêm (90 tuổi), một thợ con (thợ phụ đóng ghe bầu) cho cha mình là người Huế - người chuyên đóng ghe bầu ở Bến Đá, xã Lý Vĩnh vẫn còn bàn thờ tổ nghề với mô hình một chiếc ghe bầu” (dẫn theo Nguyễn Thanh Lợi, 2014)

3.2.2. Ghe bầu trong hoạt động du lịch ở Hội An

Từ giữa thế kỉ XIX, do nhiều yếu tố bất lợi khác nhau như chính sách bế quan tỏa cảng của vua Nguyễn, sự xuất hiện của Đà Nẵng và đầu tư của Pháp vào thương cảng này đã khiến cho Hội An bắt đầu suy thoái và đánh mất đi vị thế của mình. Từ đó, hình ảnh những chiếc ghe “bụng chửa” chở đầy ắp hàng hóa xôn xao nơi bến cảng vắng bóng dần. Ông Trần Văn An - Phó Giám đốc Trung tâm Quản lý bảo tồn di sản văn hóa Hội An cho biết: “*Ghe bầu là biểu tượng sinh động một thời phồn thịnh của đô thị thương cảng cổ xưa. Theo các nhà nghiên cứu, ngoài các bến dọc dài bãi biển miền Trung, những cánh buồm no gió của ghe bầu đã “bay” từ Kẻ Chợ, Thăng Long ở Bắc kỳ; Đông Nai, Gia Định ở Nam kỳ đến tận Nam Vang - Campuchia và các quốc gia khu vực Đông Nam Á*”. (Quốc Hải, 2013)

Ngày nay, đến Hội An, người ta lại thấy được hình ảnh của những chiếc ghe bầu tái xuất hiện trên sông Hoài để phục vụ du khách. Ghe bầu lại một lần nữa trở thành một công cụ mưu sinh, hỗ trợ cho văn hóa mưu sinh của cư dân Xứ Quảng nói chung, Hội An nói riêng: “*...hình bóng của những chuyến ghe bầu xưa cũ*

cũng đã dần dần xuất hiện trở lại trên sông Hoài, phố Hội thông qua một số ghe thuyền được đóng theo mô hình. Thậm chí, một số người vì đam mê hay gia đình có ông bà từng theo nghề buôn bằng ghe bầu thuở trước đã cất công tìm kiếm và mua lại những chiếc ghe bầu, thuyền rở ở khắp nơi trên xứ Quảng”. (Quốc hải, 2013)

3.2.3. Kinh nghiệm mưu sinh gắn với ghe bầu

Dân ghe bầu gắn liền đời sống của mình với sông nước, biển cả và chiếc ghe chở đầy hàng hóa, từng ngày từng giờ phải đối mặt với rất nhiều mối nguy hiểm như giông gió, biển động, ngầm đá,... nên họ phải tự tích lũy kinh nghiệm, học hỏi kinh nghiệm từ những thế hệ đi trước để có được những chuyến hành trình “thuận buồm xuôi gió”. Đó cũng chính là kinh nghiệm mưu sinh của các bạn ghe bầu.

Ghe bầu đi chuyên bằng buồm nhờ sức gió. Vì thế, để tận dụng sức gió tốt nhất, gió ngược mà ghe vẫn chạy được thì đòi hỏi người cầm lái phải có kỹ thuật điều luyện: “*Những lúc thiếu gió hay gió hơi ngược họ có kỹ thuật chạy “vát” hay chạy “ganh” rất độc đáo. Tức là ghe bầu chạy ngược gió bằng cách kéo xiên xiên cánh buồm, nếu ghe nghiêng thì ganh được đưa hết bên trong, tùy theo độ nghiêng mà người bạn trong ghe chạy ra ngòi trên đòn ganh, nếu ghe nghiêng nhiều hơn thì cùng lúc hai, ba, bốn người chạy ra”* (Nguyễn Thanh Lợi, 2014)

Những kinh nghiệm mưu sinh của các lái phụ thật sự rất hữu ích trong thời điểm không có các phương tiện hiện đại hỗ trợ,

giúp các ghe bầu tránh được nguy hiểm trên hành trình dài có khi lên đến hàng mấy tháng trời. Ghe bầu đi buôn là những ghe lớn, chứa nhiều sản vật địa phương, hàng hóa, giá trị kinh tế rất cao nên chủ ghe rất cần những kinh nghiệm quý báu của các lái phụ: “*Vận chuyển bằng ghe bầu gặp bao nhiêu nguy hiểm, nên vào thời ấy thì không gì hơn là người lái phụ phải lão luyện và có kinh nghiệm xem hiện tượng đoán thời tiết, giông gió”*. (Vũ Hữu San, 2014)

Kinh nghiệm đi buôn ghe bầu thường được đúc kết lại bằng những bài vè, bài ca (Vè hải trình, Hải môn ca), đáng quan tâm và có giá trị nhất trong số đó là *Vè các lái*. Đây là bài vè kể rõ gần như đầy đủ tên sông, tên núi, phong cảnh, sản vật địa phương, nơi nào có ngầm đá, cửa sông, chợ búa, bến cảng ven biển để thuận tiện mua bán, đặc biệt là đặc điểm khí hậu từng vùng và nhấn mạnh những nơi nguy hiểm thường xảy ra tai nạn trên hải trình dài từ Bắc vào Nam: “*Vè các lái hay còn gọi là Hồ các lái, Hồ thủy trình là của những người chuyên vào lộng ra khơi xuôi ngược Bắc - Nam. Đây là một bản tổng kết hải trình của các ghe bầu theo tuyến Bắc- Nam và ngược lại.*

Ghe bầu các lái đi buôn

Đêm khuya ngòi buồn, kể chuyện ngâm nga

Bắt từ Gia Định kể ra

Anh em thuận hòa ngoài Huế kể vô

Bài vè không chỉ làm vui nổi nhọc nhằn của những con người chèo sóng, chém gió dằng dặc đường dài trên biển,

mà nó còn có giá trị thực tế to lớn hơn”. (Vũ Hữu San, 2014)

Ngoài những bài về truyền lại kinh nghiệm đi buôn ghe bầu thì những tri thức dân gian liên quan đến ghe bầu và nghề buôn ghe bầu cũng được chú ý. Đó là những “*kinh nghiệm về đóng ghe, về thời tiết biển, về luồng lạch, về kỹ thuật điều khiển thuyền buồm, ... Chính nhờ những kinh nghiệm này mà trước đây rất hiếm trường hợp bị bão tố, tai nạn đến mức chìm ghe, chết người xảy ra*” (Trần Văn An, 2011). Đây thật sự là những tri thức bản địa quý báu mà cho đến ngày nay chúng vẫn còn phát huy giá trị vốn có của nó.

3.3. Văn hóa thể hiện trong các các nghi lễ mưu sinh gắn với ghe bầu

3.3.1. Nghi lễ mưu sinh trong quá trình đóng ghe bầu

Với người dân có đời sống liên quan đến sông nước, đặc biệt là dân ghe bầu Xứ Quảng thì chiếc ghe không chỉ đơn thuần là một phương tiện di chuyển, hành nghề mà còn mang những ý nghĩa đặc biệt về tín ngưỡng. Họ quan niệm chiếc ghe gắn liền với tính mạng chủ ghe, ảnh hưởng tới sự may mắn, thành công hay thất bại của chuyến đi buôn, ảnh hưởng rất lớn đến cuộc sống mưu sinh, thậm chí là sức khỏe và tnh mạng của chủ ghe. Vì thế, đóng một chiếc ghe bầu quan trọng như việc làm nhà, là chuyện đại sự của cả một đời người nên chủ ghe phải rất cẩn trọng, tuân thủ nghiêm ngặt các nghi lễ, tục lệ có liên quan: “*Thời điểm đóng phải hợp tuổi với chủ ghe. Nếu năm đó không hợp tuổi thì phải đợi những năm kế tiếp. Trường hợp không thể chậm trễ vì cần*

gấp có ghe để buôn bán nhưng tuổi không hợp thì phải nhờ cha, anh hoặc một người thân trong gia đình có tuổi phù hợp, tốt để đứng ra đóng thay. Được năm rồi còn phải coi ngày tốt để khởi công. Ngày khởi công đóng ghe phải tránh các ngày nguyệt kỵ, sát chủ, tam nương, thủy phá, ...” (Trần Văn An, 2011)

Cũng theo tác giả này, từ lúc chọn được ngày tốt để khởi công đến khi chọn được ngày tốt để xuất bến mở hàng, chiếc ghe bầu của cư dân Xứ Quảng nói riêng phải được 6 lễ cúng chính: lễ phạt mộc, lễ giáp ghim, lễ khai quang điểm nhãn, lễ hạ thủy, lễ xông ghe và lễ đưa dăm tống mộc.

Lễ phạt mộc: là lễ mở đầu cho quá trình đóng ghe. Lễ vật được bày ra trên bàn cúng, nơi chuẩn bị đóng ghe, gồm gà trống luộc, xôi, chè, chuối, hương hoa, giấy tiền vàng mã, rượu trà, gạo, muối, trầm,... Ngoài ra, gỗ đóng ghe ngoài việc phải đảm bảo chất lượng thì còn phải đạt yêu cầu về tín ngưỡng – tâm linh. Gỗ phải không có tì vết như dây rừng bám để lại dấu, phải sạch sẽ, không bị làm dơ ứ, ... đặc biệt là các súc gỗ được chọn làm long cốt và hai lô.

Lễ giáp ghim: lễ vật giống như lễ phạt mộc (hoặc có sự gia giảm tùy chủ ghe). Cúng xong, người thợ cả bắt đầu nghi thức giáp ghim bằng cách lấy các cây chốt trên bàn thờ đem ra đóng vào các lỗ chốt đục sẵn nối cò điều với long cốt và lô. Đóng xong, thợ cả lấy rượu cúng trên bàn thờ rưới vào chỗ giáp ghim để làm phép rồi cùng chủ ghe tiến hành lễ tất.

Lễ khai quang điểm nhãn: sau khi đóng ghe hoàn tất, các bộ phận như cột buồm

lòng, bánh lái đã chuẩn bị sẵn, mũi khoang đã ráp kĩ, trước khi làm lễ hạ thủy, người ta làm lễ khai quang điểm nhãn. Đây là nghi thức gắn gắn với tục vẽ mắt trước mũi ghe nhằm linh thiêng hóa chiếc ghe, với ý nghĩa tạo cho chiếc ghe trở thành một linh vật có sức sống, có sự tương thông với con người trong việc hướng tới cái tốt đẹp, hanh thông, tránh xa điều bất lợi.

Lễ hạ thủy: sau lễ khai quang điểm nhãn là lễ hạ thủy cho ghe. Khi cúng, chủ ghe coi thầy chọn ngày tốt và chọn lúc nước lên. Chủ ghe cúng vái cầu mong các vị thần sông nước, âm binh bộ hạ cùng cô bác (âm hồn) phù trợ cho chiếc ghe được an toàn, đi lại được thuận lợi. Ghe xuống nước xong mới dựng cột buồm long, tra bánh lái, làm các lá buồm bằng đệm (Trần Văn An, 2011). Hạ thủy là công đoạn quan trọng đánh dấu thời điểm chiếc ghe hòa mình vào môi trường sông nước.

Lễ xông ghe: là lễ cuối trong quá trình đóng ghe, thực hiện xong thì chiếc ghe sẽ được đưa vào hoạt động. Người ta bố trí các bàn cúng trên mũi trước mũi ghe, gồm ba cấp từ cao xuống thấp. Bàn cao nhất đặt trước mũi ghe để cúng các vị thủy thần, thần bảo trợ như bà Đại Càn, bà Thủy Long, hai bên tả hữu bố trí hai bàn cúng các vị hà bá, luồng lạch. Cấp giữa là bàn cúng các vị thủy thần bậc thấp như Nam Hải Ngọc Lân tôn thần (cá ông), Đông Nam sát hải Lang Lại nhị đại tướng quân (rái cá),... với ý nghĩa trấn yểm, loại bỏ các đối tượng làm hại khỏi ghe.

Lễ đưa dăm tống mộc: là nghi thức rất quan trọng và mang tính chất bắt buộc trước khi đưa chiếc ghe vào hoạt động và

được thực hiện trong lễ xông ghe. Người ta cho rằng, do các loại cây gỗ dùng đóng ghe đều có linh tính, có hồn. Khi còn ở trên rừng, trên núi, cây có nhiều lực lượng siêu nhiên dựa vào. Để các thế lực này khỏi quấy phá chiếc ghe trong quá trình hành nghề, người ta phải làm nghi thức tống chúng đi. *“Nghi thức gắn với ước muốn loại bỏ các thế lực làm hại khỏi chiếc ghe, loại bỏ tính thụ động, vật chất vốn có để biến nó thành một vật linh, sống động, có ích cho con người”* (Trần Văn An, 2011)

Ngoài ra, sau lễ đưa dăm tống mộc, thầy pháp còn làm lễ phát lương với nghi thức phát gạo muối cho các cô hồn với ý nghĩa cung cấp lương thực cho các cô hồn để họ không quấy phá chủ ghe và những người sống. Phát lương xong là lễ tất, kết thúc cuộc cúng. Sau đó chủ ghe có thể chọn ngày tốt xuất bến mở hàng, chuyển đi buôn đầu tiên được gọi là chuyến “cát chỉ”. (Trần Văn An, 2011)

3.3.2. Nghi lễ mưu sinh trong quá trình đi buôn bằng ghe bầu

Trong quá trình đi lại, giao thương, mua bán trên đường sông, đường biển bằng chiếc ghe bầu, các chủ ghe và bạn lái Xứ Quảng thực hiện nhiều lễ cúng nhằm cầu mong được bình an, may mắn, mọi việc thuận lợi, suôn sẻ, mua may bán đắt. *“Vào ngày rằm, mùng một hàng tháng, các chủ ghe lại sắm lễ cúng. Lễ vật được đặt trước mũi ghe, sát ngà làn, gồm hương hoa, trà quả, rượu, vàng mã. Cúng xong, chủ ghe cắm cho các cây hương cháy dang dở vào ngà làn, vàng mã thì rải xuống sông”* (Trần Văn An, 2011)

Khi ra vào cửa biển, để cầu mong đi lại được thuận lợi, các chủ ghe làm lễ cúng luồng lạch, cúng hải môn. Lễ vật cũng đạm bạc gồm hương hoa trà quả nhưng cốt ở lòng thành. Khi đi ngang qua các cửa biển, các ghềnh rạn nguy hiểm hoặc nơi có lãng miếu thờ thủy thần, thờ thần biển, các chủ ghe đứng trên ghe cúng vọng vào hoặc ghé lại để lên bờ vào miếu thắp hương lễ thần.

Đầu và sau mỗi mùa buôn, các chủ ghe đều sắm sửa lễ vật cúng tại lãng Vạn ghe bầu nơi đậu ghe. Các vạn ghe bầu thường lập nên một địa điểm thờ tự là lãng Vạn ghe bầu. Lãng có quy mô nhỏ, có thể nằm chung với các cơ sở thờ tự khác của làng xã thành một cụm hay được xây dựng tại một vị trí riêng. Lãng Vạn ghe bầu là một thiết chế văn hóa gắn với nghề buôn, với hoạt động thương nghiệp. Các vạn ghe bầu ở Hội An được các chủ ghe và bạn ghe bầu tổ chức trong quá trình hành nghề như ở Thanh Hà, Thanh Châu, Cẩm Phô, Sơn Phô, Bàn Thạch,... Những vạn ghe bầu này vừa là tổ chức nghề nghiệp vừa là một tổ chức mang tính tín ngưỡng hình thành và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện. *“Các chủ ghe, bạn ghe bầu cử ra người trưởng vạn, thường là người có uy tín, kinh nghiệm về nghề, chọn thủ bốn, huy động tiền để xây cơ sở thờ tự chung của vạn là lãng Vạn ghe bầu...”* (Trần Văn An, 2011). Lãng Vạn ghe bầu thờ bà Đại Càn, cùng phối thờ là các vị thần khác như bà Thủy Long, bà Chúa Ngọc, Ông Ngọc (cá Ông), thần Sóng, thần Luồng Lạch, Cửa biển... Ngoài ra các chủ ghe bầu người Việt còn rất tín ngưỡng Quan Thế Âm bồ tát (dù không được thờ trong

lãng) vì vị bồ tát này cứu khổ cứu nạn trên biển.

Bất cứ một nghề nghiệp nào cũng đều có những kiêng kị riêng, nghề buôn bằng ghe bầu ở Xứ Quảng cũng vậy. Không chỉ chủ ghe mà các bạn ghe cũng phải tuân theo một số kiêng cử riêng liên quan đến quá trình hành nghề như cử các hiện tượng bất thường, không được quở những hiện tượng lạ khi đi lại trên biển, thậm chí là:

“Mắt ghe phải được giữ gìn sạch sẽ, không được cho các vật ô uế dính vào.

Ngà làn cũng vậy, phải được giữ sạch sẽ, không được ngô vào và không được để các vật ô uế lên đó.

Ăn cá không lật mình con cá lại khi ăn hết một bên thân. Nấu cơm khê thì đồ không ăn để tránh xui xẻo. Lại kiêng (cũ) ăn các loại thịt chó, thịt vịt, thịt trâu, cá gáy” (Trần Văn An, 2011)

Điều đặc biệt là người ta không cho đàn bà, phụ nữ lên ghe để đi lại các nơi mặc dù nếu có họ thì việc buôn bán ở các bến cảng, thị tứ sẽ thuận lợi hơn. Ngay cả các bà vợ của bạn ghe bầu cũng không được lên ghe để đi cùng chồng.

4. KẾT LUẬN

Ghe bầu miền Trung nói chung và ghe bầu Xứ Quảng nói riêng không chỉ là một loại phương tiện vận chuyển hàng hóa bằng đường biển mà còn là nguồn lực vật chất, là di sản vật thể phục vụ cho cuộc sống mưu sinh của người Quảng (nổi bật ở nghề đi buôn bằng ghe bầu và nghề đóng ghe bầu), ảnh hưởng lớn đến văn hóa mưu sinh của cư dân tiểu vùng văn hóa này trong khoảng thời gian 300 năm.

Ngoài ra, văn hóa thể hiện qua các hoạt động mưu sinh và nghi lễ mưu sinh liên quan đến ghe bầu của cư dân Xứ Quảng góp phần minh chứng cho tầm quan trọng của ghe bầu với đời sống mưu sinh của người dân nơi đây suốt ba thế kỉ. Dù hiện nay ghe bầu không còn xuất hiện dập dìu trên các bến cảng với vai trò giao thương như trước nhưng những chiếc ghe bầu cỡ nhỏ dùng để đánh bắt cá trên biển hay mô hình ghe bầu trên sông Hoài để phục vụ khách du lịch cho thấy ghe bầu đã, đang và sẽ gắn liền với những đặc trưng văn hóa của tiểu vùng và văn hóa mưu sinh của người dân Xứ Quảng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Văn An, 2011. Ghe bầu trong đời sống văn hoá ở Hội An - Quảng Nam. NXB Dân trí. Hà Nội.
2. Đỗ Bang, 1997. Kinh tế thương nghiệp Việt Nam dưới triều Nguyễn. NXB Thuận Hóa. Thừa Thiên Huế.
3. Cao Chư, 2010. Văn hóa dân gian xã Tịnh Khê. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. Hà Nội.
4. Huỳnh Tịnh Của, 1895. Đại Nam quốc âm tự vị. tome I. Imprimerie Rey Curisol & Cie.
5. Nguyễn Thanh Lợi, 2014. Ghe bầu Nam Trung Bộ và ghe xuồng Nam Bộ. NXB Văn hóa – Thông tin. Hà Nội.
6. Nhiều tác giả, 2005. Tìm hiểu đặc trưng di sản văn hóa vùng nghệ dân gian Nam Trung Bộ. NXB Khoa học Xã hội. Hà Nội.
7. Vũ Hữu San, 2014. Ghe bầu và vẻ thủy trình cận duyên lúc xưa. <https://nghiencuulichsu.com/2014/12/23/ghe-bau-va-ve-thuy-trinh-can-duyen-luc-xua/>, truy cập ngày 18/4/2019.
8. Vương Hồng Sển, 1993. Tự vị tiếng Việt miền Nam. Nxb Văn hóa. Hà Nội.
9. Ngô Đức Thịnh, 2004. Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa Việt Nam. NXB Trẻ. TPHCM.
10. Đỗ Hải Yến, 2018. Biến đổi văn hóa mưu sinh của cư dân xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội trong bối cảnh phát triển du lịch. Luận án Tiến sĩ Văn hóa học. Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.

WOODEN BOATS IN LIVELIHOOD CULTURE OF THE PEOPLE IN QUANG LAND

Nguyen Thuy Diem

Faculty of Linguistics and Literature, Tay Do University

(Email: nguyenthuydiem8@gmail.com)

ABSTRACT

Trading and exchanging activities on the coastal route of Central Vietnam around the sixteenth century to the nineteenth century were particularly developed, marking a strong advance of the marine economy in our country. In addition, wooden boats were considered as one of the most important shipping vehicles at the time. The wooden boat trading has brought advantages in trading, helping the Central residents in general and those in Quang land in particular to take advantage of the coastal terrain to trade and develop on a large scale, bringing great livelihood resources to the people there. This paper aimed to understand the role of wooden boats in the livelihood culture of people in Quang land, focusing on the behavioral culture of people in Quang land with wooden boats, the culture expressed in their livelihood activities and in rituals of living associated with the wooden boats, thereby helping readers realize the importance of the gourd boats in the development of Quang land's marine economy in general and the livelihoods of its residents in particular.

Keywords: *Livelihood culture, Quang land, wooden boat*